

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc thi hành pháp lệnh về đê điều

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh về đê điều ngày 9 tháng 11 năm 1989;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Giao Bộ trưởng Bộ Thủy lợi chịu trách nhiệm:

Phê duyệt quy hoạch các loại đê, kè, cống và các công trình khác theo điều 1, điều 2 và điều 5 của Pháp lệnh về đê điều; riêng những vùng Bộ trưởng Bộ Thủy lợi xét thấy đặc biệt quan trọng thì trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt.

Quản lý thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế và thi công, quy trình bảo vệ và sử dụng các loại đê điều.

Điều 2.

1. Tiêu chuẩn phân cấp đê:

Căn cứ tầm quan trọng về dân sinh kinh tế, chính trị, xã hội của vùng được đê bảo vệ, mức độ thiệt hại và tác hại đến môi trường sinh thái khi đê bị vỡ, và căn cứ vào phạm vi vùng đê bảo vệ, độ sâu ngập nước nếu vỡ đê, đê được chia làm 5 cấp như sau:

Cấp	Vùng bảo vệ	Độ sâu ngập
Đặc biệt	Nội thành HN và vùng lân cận	Trên 2m

I	2 tỉnh trở lên	Trên 2m
II	1 tỉnh	1m5 - 2m
III	2 huyện trở lên	1m - 1m5
IV	1 huyện	dưới 1m

Căn cứ vào các tiêu chuẩn trên đây, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi duyệt cấp đề cho từng đề sông, đề biển.

2. Phạm vi bảo vệ đề:

Phạm vi bảo vệ đề điều gồm thân đề, kè, cống và vùng phụ cận.

Vùng phụ cận quy định cụ thể như sau:

- a/ Đối với đề sông: kể từ chân đề trở ra 20m về phía sông, 25m về phía đồng.
- b/ Đối với đề biển: kể từ chân đề trở ra 100m về phía biển, 20m về phía đồng.
- c/ Đối với kè: kể từ đầu kè trở ngược, cuối kè trở xuôi dọc theo bờ sông, bờ biển mỗi phía 100m, từ đỉnh kè lát mái, góc kè mở hàn trở vào bờ 50m và từ chân kè trở ra 20m.
- d/ Đối với cống: kể từ giới hạn phân xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía 50m, riêng đối với cống vùng triều là 80m.

Đối với đề bồi và các tuyến đề không thường xuyên trực tiếp chịu tác động của nước sông, nước biển như đề bao thành phố, thị xã, khu công nghiệp, đề biển tuyến trong thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương quy định cụ thể nhưng phải được Bộ trưởng Bộ Thủy lợi chấp thuận.

Trường hợp đặc biệt cần phải thay đổi phạm vi bảo vệ đề, kè, cống đã quy định tại các mục a,b,c,d của điều 2 này cho phù hợp với tình hình thực tế thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương báo cáo Bộ trưởng Bộ Thủy lợi xem xét và tiếp trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt, sau đó phải thông báo cho nhân dân địa phương và các cơ quan hữu quan biết.

CHƯƠNG II
XÂY DỰNG VÀ TU BỒ ĐỀ ĐIỀU

Điều 3.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh và đơn vị hành chính tương đương chịu trách nhiệm cân đối việc sử dụng hợp lý quỹ ngày công lao động công ích của địa phương mình trong đó phải ưu tiên dành đủ lao động cho các huyện (quận) hoàn thành trước mùa lũ, bão kế hoạch xây dựng, tu bổ đê điều và thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão hàng năm.

Hàng năm, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lập kế hoạch điều hoà quỹ ngày công lao động công ích cho việc xây dựng tu bổ đê điều trong cả nước, trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Phương thức điều hoà công lao động nghĩa vụ bằng lao động trực tiếp hoặc đóng góp bằng tiền thực hiện theo Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích.

Điều 4.

Việc đầu tư cho xây dựng, tu bổ đê, kè, cống đối với các cấp đê quy định như sau:

Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt do ngân sách trung ương đầu tư. Đê dưới cấp III do ngân sách địa phương đầu tư. Đê chuyên dùng của ngành nào, cơ sở nào do chủ công trình ấy đầu tư.

Hàng năm, Ủy ban kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm ghi chỉ tiêu khối lượng chủ yếu và kinh phí tương ứng cho việc xây dựng, tu bổ đê điều thuộc ngân sách trung ương đầu tư thành một hạng mục riêng và giao cho Bộ Thủy lợi quản lý, phân bổ cho từng tuyến đê của các tỉnh, thành phố có đê.

Mức đầu tư cho các đê dưới cấp III do Hội đồng Nhân dân tỉnh, hoặc đơn vị hành chính tương đương quyết định. Trường hợp đặc biệt đối với địa phương có nhiều khó khăn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương báo cáo Bộ Thủy lợi, Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xem xét trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Các ngành Tài chính, Ngân hàng, Thương nghiệp, Xây dựng... có trách nhiệm ưu tiên cấp kinh phí kịp thời và bán đủ vật tư theo kế hoạch hàng năm để bảo đảm hoàn thành cơ bản việc tu bổ đê điều vào 6 tháng đầu năm.

Bộ Thủy lợi chủ trì, phối hợp với các ngành hữu quan nghiên cứu xây dựng chính sách, cơ chế thích hợp trình Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp sức lao động, tiền của, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc xây dựng, tu bổ, bảo vệ đê điều.

CHƯƠNG III

BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG ĐÊ ĐIỀU